

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HUẾ  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2021/DS-ST**

Ngày: 10/5/2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Huế.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Thanh Xuân và bà Trần Bích Thủy.

***-Thư ký phiên toà:*** Bà Bùi Thị Huyền Trang, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Trường Thi, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (số 60 Nguyễn Huệ - Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 243/2020/TLST-DS ngày 26/10/2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (SACOMBANK); địa chỉ: 266-268 đường N, Phường 8, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh;

*Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc;

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

Ông Lý Minh C, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T – chi nhánh Huế; địa chỉ: 126 đường N, phường P, thành phố Huế (Giấy ủy quyền số 2833/2020/GUQ-PL ngày 14/9/2020, Giấy ủy quyền số 3977/2020/GUQ-PL ngày 28/12/2020 );

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Võ Phước Đại D, chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ chi nhánh Thừa Thiên Huế - Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (Giấy ủy quyền số 586/2020/GUQ-CNTTH ngày 14/9/2020, Giấy ủy quyền số 30/2021/GUQ-CNTTH ngày 04/01/2021).

*Bị đơn:* Ông Bùi P, sinh năm 1974 và bà Trần Thị Hoàng O, sinh năm 1977; cùng địa chỉ: 20/49 đường N, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Anh Bùi Quang V, sinh năm 2000; Chị Bùi Thị Thuý T, sinh năm 2002; cùng địa chỉ: 20/49 đường N, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* Ngày 05/9/2017, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T (sau đây viết tắt là SACOMBANK) và ông Bùi P, bà Trần Thị Hoàng O đã ký kết hợp đồng tín dụng số LD 1724800116 ngày 05/9/2017, với số tiền vay gồm 140.000.000 đồng; Lãi suất: 10%/năm đầu tiên, từ năm thứ hai trở đi, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức tiền gửi tiết kiệm cá nhân VNĐ 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Sacombank + biên độ 3.5%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mục đích vay: tiêu dùng cá nhân; Phương thức thanh toán: Nợ gốc được chia thành nhiều kỳ trả nợ và được trả theo phụ lục về lịch trả nợ đính kèm hoặc theo từng giấy nhận nợ tương ứng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến ngày SACOMBANK khởi kiện, ông P, bà O đã trả cho SACOMBANK số tiền nợ gốc là 70.680.861 đồng, nợ lãi là 28.937.015 đồng, tổng cộng hai khoản: 99.617.876 đồng. Sau đó ông P, bà O dừng thanh toán. Do ông P, bà O vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên số nợ vay còn thiếu đã bị chuyển nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn từ ngày 29/3/2020. Tính đến thời điểm khởi kiện, ông P, bà O còn nợ SACOMBANK tổng số tiền: 70.195.895 đồng, trong đó nợ gốc là 69.319.139 đồng, lãi trong hạn là 743.964 đồng, lãi quá hạn là 126.036 đồng, lãi chậm trả là 6.756 đồng.

Ngày 03/9/2014, ông Bùi P, bà Trần Thị Hoàng O dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại 49/20 đường N, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số W756462, do UBND thành phố Huế cấp ngày 16/6/2004, thay đổi nội dung ngày 27/6/2006, để đảm bảo nghĩa vụ của ông P, bà O theo hợp đồng thế chấp số 95 ngày 03/9/2014, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 01 ngày 23/8/2016 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 02/HĐTC 95 ngày 05/9/2017 giữa SACOMBANK với ông P bà O. Hợp đồng được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết đến nay, ông P, bà O đã tiếp tục thanh toán số tiền nợ gốc cho SACOMBANK là 11.000.000 đồng. Như vậy, tính đến thời điểm xét xử (ngày 10/5/2021), ông Phong, bà Oanh đã thanh toán cho SACOMBANK số tiền nợ gốc là 81.680.861 đồng, nợ lãi là 28.937.015 đồng, hiện còn nợ của SACOMBANK tổng cộng gồm 68.225.156 đồng, trong đó nợ gốc: 58.319.139 đồng; lãi trong hạn là 6.930.976 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn là 2.549.374 đồng, lãi chậm trả là 425.667 đồng.

Tại phiên tòa, SACOMBANK thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông P, bà O phải trả số nợ 68.225.156 đồng và yêu cầu ông P, bà O tiếp tục trả lãi, lãi phát sinh trên số tiền nợ còn lại, theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết, kể từ ngày 11/5/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trong trường hợp ông Bùi P và bà Trần Thị Hoàng O không trả được nợ theo yêu cầu của Ngân hàng đã nói trên thì SACOMBANK có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thửa đất số 64, tờ bản đồ 21 tọa lạc tại 49/20 đường N, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số W756462, do UBND thành phố Huế cấp ngày 16/6/2004, thay đổi nội dung ngày 27/6/2006 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

*Tại bản tự khai ngày 13/01/2021 và biên bản lấy lời ngày 09/3/2021, bị đơn là ông P và bà O trình bày:* Thống nhất với lời khai của SACOMBANK về quá trình vay như đã nêu trên và xác nhận số tiền hiện còn nợ của SACOMBANK. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Bùi Quang V, chị Bùi Thị Thuỳ T (con của ông P và bà O) trình bày:* Khoản nợ của SACOMBANK là nợ của ông P, bà O, anh chị không liên quan gì đến khoản nợ này và cũng không có đóng góp gì vào tài sản thế chấp của ông P và bà O là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại 49/20 Nguyễn Chí D, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh chị đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi P, bà Trần Thị Hoàng O, anh V, chị T không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên tòa, ông Bùi P, bà Trần Thị Hoàng O vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyền và nghĩa vụ của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã không thực hiện đúng các quy định tại khoản 16 Điều 70, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của SACOMBANK: Buộc ông P, bà O phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ tính đến ngày 10/5/2021 **gồm 68.225.156 đồng (trong đó nợ gốc: 58.319.139 đồng; lãi trong hạn là 6.930.976 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn là 2.549.374 đồng, lãi chậm trả là 425.667 đồng)**; Buộc ông P, bà O phải thanh toán số tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn từ sau ngày xét xử cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông Bùi P, bà Trần Thị Hoàng O không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền còn nợ thì SACOMBANK có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng thế chấp đã ký. Về án phí: ông Bùi P, bà Trần Thị Hoàng O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: SACOMBANK khởi kiện tranh chấp hợp đồng đối với bị đơn ông Bùi P, bà Trần Thị Hoàng O, có địa chỉ tại: Số 20/49 đường N, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ông Bùi P, bà Trần Thị Hoàng O đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P bà O.

Anh Bùi Quang V, chị Bùi Thị Thuỳ T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V, chị T.

Tại bản tự khai ngày 12/4/2021, anh V, chị T xác nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại 49/20 đường N, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông P và bà O, không liên quan đến anh chị và anh chị cũng không có công sức đóng góp, tạo lập gì đối với tài sản thế chấp nói trên, nên anh V, chị T không liên quan gì trong vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Đối với việc SACOMBANK thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông P và bà O phải thanh toán số tiền nợ gồm 68.225.156 đồng (trong đó nợ gốc: 58.319.139 đồng; lãi trong hạn là 6.930.976 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn là 2.549.374 đồng, lãi chậm trả là 425.667 đồng) là tự nguyện nên căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Xét yêu cầu đòi nợ của SACOMBANK, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tính đến thời điểm xét xử (ngày 10/5/2021) ông P và bà O còn nợ của SACOMBANK số tiền nợ gốc: 58.319.139 đồng; lãi trong hạn là 6.930.976 đồng, lãi trên nợ gốc

quá hạn là 2.549.374 đồng, lãi chậm trả là 425.667 đồng; Tổng cộng gồm 68.225.156 đồng, là phù hợp với số tiền ông P và bà O đã trả và số tiền còn lại theo Hợp đồng tín dụng số LD 1724800116 ngày 05/9/2017. Do ông P, bà O vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại các điểm e, f, g khoản Điều 2 của Phụ lục Hợp đồng tín dụng số LD 1724800116 ngày 05/9/2017, đồng thời vi phạm các Điều 280, Điều 282 và Điều 466 Bộ luật dân sự, nên Hội đồng xét xử cần buộc ông P và bà O phải trả toàn bộ số tiền trên cho SACOMBANK.

Đối với yêu cầu của ông P và bà O được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ phải trả, do SACOMBANK không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

Do đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, nên Hội đồng xét xử cần căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, buộc ông P và bà O tiếp tục trả lãi, lãi phát sinh trên số tiền nợ còn lại, theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết, kể từ ngày 11/5/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[2.2] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Hợp đồng thế chấp số 95 ngày 03/9/2014; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 01 ngày 23/8/2016; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 02/HĐTC 95 ngày 05/9/2017 được ký kết giữa SACOMBANK với ông P và bà O nhằm đảm bảo thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của ông P và bà O là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên có hiệu lực thi hành.

Theo cam kết của hợp đồng thế chấp thì nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm toàn bộ nghĩa vụ của bên thế chấp đối với SACOMBANK. Do đó, trong trường hợp ông P và bà O không thực hiện nghĩa vụ trả các khoản tiền trên, thì SACOMBANK có quyền yêu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại 49/20 đường N, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số W756462, do UBND thành phố Huế cấp ngày 16/6/2004, thay đổi nội dung đăng ký ngày 27/6/2006 để thu hồi nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không thanh toán hết khoản nợ trên thì ông Bùi P, bà Trần Thị Hoàng O vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho ngân hàng.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định. Nguyên đơn đã nộp đủ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Bùi P, bà Trần Thị Hoàng O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm gồm 3.411.258 đồng (68.225.156 đồng x 5%= 3.411.258 đồng).

- SACOM BANK không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 186; điểm b khoản 2 Điều 227 ; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào các Điều 280; Điều 282; Điều 351; Điều 466; Khoản 1 Điều 468 và Khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T (SACOMBANK).

Buộc ông Bùi P, bà Trần Thị Hoàng O phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T (SACOMBANK) số tiền gồm **68.225.156 đồng (trong đó nợ gốc: 58.319.139 đồng; lãi trong hạn là 6.930.976 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn là 2.549.374 đồng, lãi chậm trả là 425.667 đồng).**

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Bùi P, bà Trần Thị Hoàng O còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (SACOMBANK) thì lãi suất mà ông Bùi P, bà Trần Thị Hoàng O phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T (SACOMBANK) theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T (SACOMBANK).*

[2] Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông Bùi P, bà Trần Thị Hoàng O không thực hiện nghĩa vụ trả các khoản tiền trên, thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (SACOMBANK) có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại 49/20 đường N, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số W756462, do UBND thành phố Huế cấp ngày 16/6/2004, thay đổi nội dung đăng ký ngày 27/6/2006 cho ông Bùi P, bà Trần Thị Hoàng O để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không thanh toán hết khoản nợ trên thì ông Bùi P, bà Trần Thị Hoàng O vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho ngân hàng.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định. Nguyên đơn đã nộp đủ.

[4] Về án phí:

- Ông Bùi P, bà Trần Thị Hoàng O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm gồm 3.411.258 đồng (68.225.156 đồng x 5%= 3.411.258 đồng).

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T (SACOMBANK) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T (SACOMBANK) số tiền tạm ứng án phí đã nộp gồm 1.754.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi tư nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000587 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TTHuế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục Thi hành án TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Huế**